

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN TU MƠ RÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 93/TTr-HĐND

Tu Mơ Rông, ngày 16 tháng 12 năm 2020

TỜ TRÌNH

Dự trù kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện năm 2021

Kính gửi: HĐND huyện Tu Mơ Rông, kỳ họp thứ 11, khoá XIII.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp;

Thường trực HĐND huyện Tu Mơ Rông kính trình HĐND huyện khoá XIII, kỳ họp thứ 11 xem xét phê duyệt kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện năm 2021, với tổng kinh phí là: **1.687.060.000 đồng** (Một tỷ sáu trăm tám mươi bảy triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng).

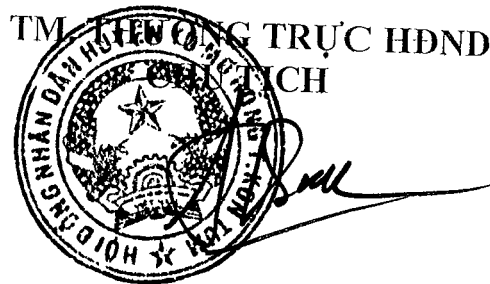
(Có dự trù kinh phí kèm theo)

Thường trực Hội đồng nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT

Độc



A Dân



Tu Mơ Rông, ngày tháng năm 2020

NGHỊ QUYẾT

VỀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TU MƠ RÔNG
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Xét Tờ trình số /TTr-HĐND, ngày tháng 12 năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện về dự trù kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện năm 2021 và ý kiến tham gia của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kinh phí hoạt động năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện là: **1.687.060.000 đồng** (*Một tỷ sáu trăm tám mươi bảy triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Điều 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện quản lý, sử dụng và điều hòa kinh phí nhằm đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện năm 2021 đạt chất lượng và hiệu quả.

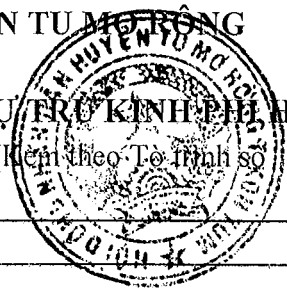
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tu Mơ Rông khóa XIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày / /2020./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- TT UBMTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các ĐB HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Trang TTĐT huyện;
- TT ĐU, TT. HĐND, CT. UBND các xã;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN PHONG



DỰ TRÙ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NĂM 2021

(Hạn theo To. Minh số /TTr-HĐND ngày tháng năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện)

STT	Nội dung	Số tiền
1	Chi cho 02 kỳ họp chính thức	73.144.000
-	Chi in ấn, chi mua VPP cho 2 kỳ họp, logo: 3.500.000 kỳ họp x 2 kỳ họp	7.000.000
-	Chi giải lao, nước uống hội nghị: 110 đại biểu x 20.000 đồng / buổi x 4 buổi x 2 kỳ họp	17.600.000
-	Hoa tươi hội nghị: 2 kỳ x 1.500.000 đồng	3.000.000
-	Chi tiền bồi dưỡng cho đại biểu tham dự kỳ họp: 110 đại biểu x 70.000 đồng/ ngày x 2 ngày x 2 kỳ họp	30.800.000
-	Chi tiền phục vụ kỳ họp: 6 người x 56.000 đồng/ngày x 2 ngày x 2 kỳ họp	1.344.000
-	Chi tiền mua vật tư văn phòng phục vụ kỳ họp: 4.000.000 đồng x 2 kỳ họp	8.000.000
-	Chi trang trí hội nghị: 2 kỳ x 1.500.000 đồng/kỳ	3.000.000
-	Chi tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương (cử tri)	2.400.000
2	Chi hội nghị giao ban của TT. HĐND huyện	17.600.000
-	Chi bồi dưỡng đại biểu tham dự hội nghị: 30 người x 70.000 đồng x 2 lần	4.200.000
-	Chi in ấn, chi mua VPP phục vụ hội nghị: 1.500.000 kỳ họp x 2 lần	3.000.000
-	Chi tiền mua vật tư văn phòng phục vụ hội nghị: 1.000.000 đồng x 2 lần	2.000.000
-	Chi tiền trang trí, hoa tươi, maket: 1.500.000 đồng x 2 lần	3.000.000
-	Chi tiền nước uống, giải khát tại hội nghị: 30 người x 20.000 đồng/ buổi x 2 buổi x 2 lần	2.400.000
-	Chi công tác phí - xăng xe	3.000.000
3	Các chế độ của đại biểu	508.560.000

STT	Nội dung	Số tiền
-	Chi tiền sinh hoạt phí đại biểu: 30 đại biểu x 0,4 x 1.490.000 đồng x 12 tháng	214.560.000
-	Chi khoán tiếp xúc cử tri: 30 đại biểu x 2.800.000 đồng/ năm	84.000.000
-	Hỗ trợ tiền khoán báo chí: 30 đại biểu x 350.000 đồng/ tháng x 12 tháng	126.000.000
-	Hỗ trợ tiền khám sức khỏe định kỳ: 30 đại biểu x 1.400.000 đồng / đại biểu/ năm	42.000.000
-	Chi tiền hỗ trợ nghiên cứu tài liệu: 30 đại biểu x 1.400.000 đồng / đại biểu/ năm	42.000.000
4	Chi cho công tác thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết, soạn thảo văn bản QPPL	53.250.000
-	Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết (không phải là văn bản quy phạm pháp luật) trình kỳ họp: 20 báo cáo x 350.000 đồng/báo cáo	7.000.000
-	Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra, tờ trình: 20 báo cáo*350.000 đồng/ báo cáo	7.000.000
-	Chi cho công tác soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật: 5 văn bản x 4.000.000 đồng/văn bản	20.000.000
-	Chi lấy ý kiến tham gia các dự án luật	14.000.000
-	Chi công tác tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo các dự án luật, pháp luyện, nghị quyết: 15 báo cáo x 350.000 đồng	5.250.000
5	Chi công tác khảo sát	105.800.000
-	Chi công tác phí + phòng ngủ đi khảo sát: 11.500.000 đồng/ đoàn * 4 lần khảo sát	46.000.000
-	Chi xây dựng kế hoạch khảo sát: 1.400.000 đồng x 4 lần	5.600.000
-	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát: 1.750.000 đồng x 4 văn bản	7.000.000
-	Chi bồi dưỡng đoàn khảo sát: 10.300.000 đồng / lần x 4 lần khảo sát	41.200.000
-	Tiền xăng xe đi khảo sát	6.000.000
6	Chi công tác giám sát	207.600.000
-	Chi công tác phí + phòng ngủ đi giám sát: 11.500.000 đồng/ đoàn * 8 lần giám sát / năm	92.000.000
-	Chi xây dựng kế hoạch giám sát: 1.400.000 đồng x 8 lần / năm	11.200.000

STT	Nội dung	Số tiền
-	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giám sát: 1.750.000 đồng x 8 văn bản	14.000.000
-	Chi bồi dưỡng đoàn giám sát: 10.300.000 đồng / lần x 8 lần giám sát	82.400.000
-	Tiền xăng xe đi giám sát	8.000.000
7	Chi tiếp xúc cử tri trong năm 2021	10.500.000
-	Bồi dưỡng viết báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri trình HĐND huyện: 350.000 đồng/ lần x 10 báo cáo	3.500.000
-	Xăng xe đi tiếp xúc cử tri	7.000.000
8	Chi công tác tiếp công dân	10.800.000
-	3 người x 36 buổi x 100.000 đồng/ buổi	10.800.000
9	Chi đi công tác tập huấn của TT. HĐND huyện và hoạt động trong năm của TT. HĐND huyện và các ban của Hội đồng.	272.900.000
-	Tiền xăng xe, lệ phí, sửa, rửa xe: 3.500.000 đồng/ tháng x 12 tháng	42.000.000
-	Tiền phụ cấp công tác phí: 2.000.000 đồng / tháng x 12 tháng	24.000.000
-	Tiền phụ cấp phòng ngủ: 1.200.000 đồng / tháng x 12 tháng	14.400.000
-	Tiền tiếp khách và làm việc với các đoàn đến công tác tại huyện	25.000.000
-	Tiền nước uống phục vụ các cuộc họp: 200.000 đồng / tháng x 12 tháng	2.500.000
-	Tiền trang trí + khánh tiết phục vụ các cuộc họp	5.000.000
-	Chi mua văn phòng phẩm	35.000.000
-	Chi mua vật tư văn phòng	25.000.000
-	Chi mua công cụ dụng cụ	35.000.000
-	Các khoản hoạt động chuyên môn	30.000.000
-	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	35.000.000
10	TT. HĐND huyện thăm hỏi chúc tết các gia đình chính sách trong dịp lễ tết	35.000.000

STT	Nội dung	Số tiền
11	Chi tiền tham quan học tập kinh nghiệm	250.000.000
12	Chi hỗ trợ quà tặng cho các tổ chức cơ quan ngoài tỉnh	15.000.000
13	Chi thăm hỏi, ốm đau, trợ cấp khó khăn, thăm viếng	15.000.000
14	Dự phòng cho các nhiệm vụ chi phát sinh đột xuất (bao gồm các cuộc họp hội nghị bất thường)	111.906.000
TỔNG CỘNG		1.687.060.000

Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm tám mươi bảy triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn./.